

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TIÊN SƠN ĐỊA ÓC
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Địa chỉ: Tầng 12 Tháp Tây, Tòa nhà Hancorp Plaza, Số 72 Trần Đăng Ninh, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (04) 37 425 888 - Fax : (04) 37 578 666

Website: <http://kiemtoanttp.com> - <http://kiemtoanttp.vn>

Email: ttp@kiemtoanttp.com

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2-5
Báo cáo kiểm toán độc lập	6-7
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán:	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	8 – 11
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	13
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	14 – 45
Phụ lục 01 - Thuyết minh Vốn chủ sở hữu	46

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn Địa ốc (sau đây gọi tắt là “ Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn Địa ốc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0800819038 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 12 tháng 04 năm 2010, thay đổi lần thứ 05 ngày 25 tháng 03 năm 2015.

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Viet Tien Son Real Estate Holding Company.

Tên công ty viết tắt: VTSRE., HC

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà Việt Tiên Sơn, khu dân cư phía Đông đường Yết Kiêu, phường Cộng Hòa, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là: 10.000.000.000 VND đồng (Mười tỷ đồng), tương đương 1.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Vốn pháp định: 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng)

Số vốn thực góp của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 là: 10.000.000.000 VND.

Các công ty thành viên của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 như sau:

<i>Tên Công ty con</i>	<i>Địa chỉ</i>
Công ty Cổ phần Hồng Hưng	Cụm CN Việt Hòa, P. Việt Hòa, TP Hải Dương
Công ty Cổ phần Việt Tâm Doanh	Quán Sui, P. Cộng Hòa, TX. Chí Linh, TP. Hải Dương
<i>Tên Công ty liên kết</i>	<i>Địa chỉ</i>
Công ty Cổ phần Kỳ Tam Anh	Km 40+800, Quốc lộ 18, P. Cộng Hòa, TX. Chí Linh, TP. Hải Dương

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản, Giao dịch, mua bán, chuyển nhượng, cho thuê, mua và môi giới bất động sản,
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết:
 - + Giám sát công tác lắp đặt thiết bị điện công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị cơ điện công trình dân dụng và công nghiệp 220 KV; Giám sát công tác xây dựng

và hoàn thiện công trình: hạ tầng kỹ thuật đô thị, lắp đặt thiết bị công trình thủy lợi, công trình xây dựng giao thông (Cầu – đường bộ), công trình xây dựng thủy lợi.

+ Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, cầu đường; Thiết kế cơ điện công trình đường dây và trạm biến áp đến 220 KV; Thiết kế lắp đặt thiết bị công trình và lắp đặt thiết bị công nghệ cơ khí công trình; Thiết kế công nghệ máy xây dựng và thiết bị công trình thủy lợi, thủy điện;

+ Khảo sát địa chất công trình; Khảo sát địa chất thủy văn;

- Chuẩn bị mặt bằng, chi tiết: San lấp mặt bằng công trình;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, cơ sở hạ tầng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Nạo vét công trình thủy;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông;
- Đại lý du lịch. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Bán buôn thực phẩm;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng bằng ô tô;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Định giá bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm. Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh. Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện. Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư;

- Ghi chú: Doanh nghiệp phải hoạt động kinh doanh theo đúng ngành nghề đã ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp; bảo đảm điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật khi kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện (quy định tại Luật Doanh nghiệp 68/2014);
- Đối với ngành nghề kinh doanh có ghi mục “chi tiết”, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh trong phạm vi ngành, nghề chi tiết đã ghi.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Trong năm 2016, khoản hợp tác đầu tư với Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Thương mại và Xây dựng 568 (số tiền 8.457.000.000 đồng) và khoản hợp tác đầu tư với Công ty CP Vitraco (số tiền 287.000.000 đồng) đã được tất toán bằng tiền gửi ngân hàng, do hai bên ngừng hợp tác đầu tư.

Ngoài vấn đề nêu trên, Ban Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Nguyễn Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT
Trương Thanh Sơn	Ủy viên
Dương Văn Điệp	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Trương Thanh Sơn	Tổng Giám đốc
Trương Quang Hải	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm, ngày 15/12/2016)
Dương Văn Điệp	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm, ngày 1/12/2016)
Nguyễn Minh Xô	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc – Kiểm kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn Địa ốc đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP là đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng, đơn vị có lợi ích thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong

năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hải Dương, ngày 05 tháng 06 năm 2017

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Trương Thanh Sơn



Số 269/BCKT-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
của Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn Địa ốc*

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn Địa ốc

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn Địa ốc được lập ngày 05 tháng 06 năm 2017 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được trình bày từ trang 08 đến trang 46 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, hợp lý nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được đầy đủ và thích hợp là cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn Địa ốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất .

Báo cáo này thay thế cho Báo cáo kiểm toán số: 344/BCKT/TC ngày 18/08/2016 do phân loại lại một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2017

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP
Phó Tổng Giám đốc



Lê Phương Anh
Số Giấy CN ĐKHN
Kiểm toán : 0739-2017-133-1

Kiểm toán viên

Hoàng Thị Khánh Vân
Số Giấy CN ĐKHN
Kiểm toán : 0371-2017-133-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		101.132.967.656	80.899.907.201
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	21.418.027.516	15.062.778.503
1. Tiền	111		5.283.894.094	7.962.778.503
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.134.133.422	7.100.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02a	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		68.006.139.841	51.979.140.297
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	853.160.000	410.014.400
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	11.750.062.654	12.464.783.710
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	31.223.372.704	16.420.755.700
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	24.179.544.483	22.683.586.487
IV. Hàng tồn kho	140	V.08	6.078.789.370	8.333.507.195
1. Hàng tồn kho	141		6.078.789.370	8.333.507.195
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.630.010.929	5.524.481.206
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13a	-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.16b	4.878.836.943	4.851.475.047
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		751.173.986	673.006.159
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		172.543.118.273	183.900.659.978
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		29.994.000.000	29.544.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216		29.994.000.000	29.544.000.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT ,
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		19.777.880.321	24.729.145.152
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	18.116.308.959	23.052.473.790
- Nguyên giá	222		22.585.034.965	26.534.235.874
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(4.468.726.006)	(3.481.762.084)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.661.571.362	1.676.671.362
- Nguyên giá	228		1.797.714.000	1.797.714.000
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(136.142.638)	(121.042.638)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	4.329.981.977	4.398.825.674
- Nguyên giá	231		4.883.231.474	4.883.231.474
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(553.249.497)	(484.405.800)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	116.338.964.023	121.789.958.959
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		116.338.964.023	121.554.611.159
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	235.347.800
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02b	652.500.000	652.500.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		652.500.000	652.500.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.449.791.952	2.786.230.193
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13b	1.449.791.952	2.786.230.193
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		273.676.085.929	264.800.567.179

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		249.423.437.731	242.034.319.907
I. Nợ ngắn hạn	310		56.149.286.221	29.771.240.216
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	12.052.823.811	2.861.226.574
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	1.300.000.000	359.500.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16a	12.821.352	-
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	413.319.613	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	311.980	2.316.642
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	42.370.009.465	26.548.197.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		193.274.151.510	212.263.079.691
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18	53.894.007.653	54.587.230.679
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19	6.581.451.600	8.127.295.100
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	132.798.692.257	149.548.553.912
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.21	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		24.252.648.198	22.766.247.272
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	24.252.648.198	22.766.247.272
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		10.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		10.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411B		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		430.915.593	(941.302.198)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(306.017.594)	(407.189.531)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		736.933.187	(534.112.667)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		13.821.732.605	13.707.549.470
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		273.676.085.929	264.800.567.179


Hải Dương, ngày 05 tháng 06 năm 2017

Người lập biểu



Nguyễn Thị Tư

Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Anh

Tổng Giám đốc



Trương Thanh Sơn

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	87.365.153.539	14.659.320.102
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		87.365.153.539	14.659.320.102
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	84.080.594.088	13.605.210.578
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		3.284.559.451	1.054.109.524
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.535.026.127	204.821.080
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	306.749.611	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		306.749.611	-
9. Chi phí bán hàng	24	VI.5	8.594.546	294.611.206
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	2.894.148.333	1.476.499.935
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		1.610.093.088	(512.180.537)
12. Thu nhập khác	31	VI.6	34.436.061	-
13. Chi phí khác	32	VI.7	3.681.676	-
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		30.754.385	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.640.847.473	(512.180.537)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	154.446.547	2.827.810
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.8	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.486.400.926	(515.008.347)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ			1.372.217.791	(424.613.663)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát			114.183.135	(90.394.684)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	1.372,22	(424,61)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Hải Dương, ngày 05 tháng 06 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Tư

Nguyễn Tuấn Anh

Trương Thanh Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Theo phương pháp gián tiếp
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế		1.640.847.473	(512.180.537)
2. Điều chỉnh cho các khoản		(41.816.971)	913.899.444
+ Khấu hao tài sản cố định		1.150.921.369	1.118.720.524
+(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá		(98.319)	
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.499.133.679)	(204.821.080)
+ Chi phí lãi vay		306.493.658	
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh		1.599.030.502	401.718.907
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu		(2.182.601.300)	(7.095.471.623)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho		7.208.568.687	(13.048.798.390)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả		8.621.890.802	(8.555.290.769)
(không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)			
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước		1.281.220.923	12.223.870.369
- Tiền lãi vay đã trả		(605.135.329)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(158.212.022)	(1.587.370)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh			
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		15.764.762.263	(16.075.558.876)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
- Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(15.802.617.004)	(38.941.895.700)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.000.000.000	44.178.847.500
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.546.656.080	
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		774.398.545	204.821.080
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		(8.481.562.379)	5.441.772.880
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		162.500.640.054	127.940.854.412
- Tiền chi trả nợ gốc vay		(163.428.689.244)	(105.293.789.900)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		(928.049.190)	22.647.064.512
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		6.355.150.694	12.013.278.516
Tiền và tương đương tiền đầu năm		15.062.778.503	3.049.499.987
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		98.319	
Tiền và tương đương tiền cuối năm		21.418.027.516	15.062.778.503

Hải Dương, ngày 05 tháng 06 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Tư

Nguyễn Tuấn Anh

Trương Thanh Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2015

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn Địa ốc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0800819038 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 12 tháng 04 năm 2010, thay đổi lần thứ 05 ngày 25 tháng 03 năm 2015.

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Viet Tien Son Real Estate Holding Company.

Tên công ty viết tắt: VTSRE., HC

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà Việt Tiên Sơn, khu dân cư phía Đông đường Yết Kiêu, phường Cộng Hòa, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là: 10.000.000.000 VND đồng (Mười tỷ đồng), tương đương 1.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Vốn pháp định: 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng)

Số vốn thực góp của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 là: 10.000.000.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực: Xây dựng và kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của lĩnh vực kinh doanh bất động sản của Công ty từ 02 năm đến 04 năm.
Chu kỳ sản xuất kinh doanh của xây lắp và dịch vụ của Công ty không quá 12 tháng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

Hình thức sổ kế toán đơn vị đang áp dụng là hình thức: Chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh Thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200/2014/TT-BTC và Quyết định 15/2006/QĐ-BTC.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất :

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

5.1. Tài sản cố định hữu hình

Thực hiện Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-----------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05-50 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 06-20 năm |

- Phương tiện, vận tải	06-10 năm
- Thiết bị văn phòng	03-10 năm

5.2. Tài sản cố định vô hình

Công ty đang ghi nhận và theo dõi tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất và website công ty. Quyền sử dụng đất là tài sản mà Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn Địa ốc nhận bàn giao do chia tách từ Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn. Đây là toàn bộ tiền thuế đất 50 năm đóng 1 lần và phí trước bạ của mảnh đất, tương ứng với phần vốn Công ty CP Việt Tiên Sơn Địa ốc được nhận sau chia tách. Do tại thời điểm chia tách, quyền sử dụng đất đã khấu hao được 3 năm, tài sản này Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn Địa ốc nhận bàn giao và ghi nhận nguyên giá cùng khấu hao lũy kế theo sổ sách Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn thời điểm chia tách.

Tuy nhiên, tại ngày 31/12/2015, Công ty CP Việt Tiên Sơn Địa ốc đã gửi hồ sơ lên Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương, nhưng chưa nhận được kết quả đổi tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy, Công ty CP Việt Tiên Sơn địa ốc chưa thực hiện trích khấu hao tài sản này.

Website công ty đang được khấu hao trong 5 năm.

6. Bất động sản đầu tư

6.1. Nguyên tắc ghi nhận

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, nhà hoặc một phần của nhà hoặc cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng do Công ty nắm giữ, không nhằm mục đích sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc trong quản lý, hoặc bán trong kỳ hoạt động kinh doanh thông thường.

Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất

động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

6.2. Phương pháp khấu hao

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Cơ sở hạ tầng: 48 năm

7. Tài sản dở dang dài hạn

7.1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

8. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 3 năm.

9. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

10. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi

vay". Ngoài ra, đối với khoản vay phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang. Tỷ lệ vốn hoá chi phí lãi vay trong kỳ là: 100 %.

12. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

14. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền chưa được phân bổ phù hợp với từng kỳ kế toán.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

16. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu xây dựng

- Các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.
- Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...,) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã bán trong kỳ.

Giá vốn hàng bán đối với trường hợp Công ty là chủ đầu tư kinh doanh bất động sản.

Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản (nếu có) đảm bảo các nguyên tắc sau:

Chỉ trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;

Chỉ trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong kỳ và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;

Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

19. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;

- Chi phí lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

21. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

22. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất: Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính hợp nhất do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất từ Công ty mẹ và các Công ty con. Các Công ty được xác định là công ty con của Công ty khi có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các Công ty này.

Các chính sách kế toán của các Công ty con có thể được điều chỉnh nhằm đảm bảo chính sách kế toán được áp dụng ở Công ty mẹ và các Công ty con không có sự khác biệt đáng kể.

Tất cả các nghiệp vụ (giao dịch) và số dư chủ yếu giữa các Công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu không tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty trừ đi Cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Các Công ty trong phạm vi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất này tại thời điểm 31/12/2015 bao gồm:

Tên Công ty con	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Hồng Hưng	Cụm CN Việt Hòa, P. Việt Hòa, TP Hải Dương
Công ty Cổ phần Việt Tâm Doanh	Quán Sui, P. Cộng Hòa, TX. Chí Linh, TP. Hải Dương
Tên Công ty liên kết	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Kỳ Tam Anh	Km 40+800, Quốc lộ 18, P. Cộng Hòa, TX. Chí Linh, TP. Hải Dương

23. Thông tin so sánh

- Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.
- Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của thông tư 200 kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính hợp nhất cùng kỳ năm 2014 như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TIÊN SƠN ĐỊA ỐC

Tòa nhà Việt Tiên Sơn, KDC phía đông đường Yết Kiêu, P.Cộng Hòa, TX. Chí Linh, Hải Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu kỳ này:

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014			Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC			
Mã số	Khoản mục	Số trước điều chỉnh	Mã số	Khoản mục	Số sau điều chỉnh	Chênh lệch
	I - Bảng cân đối kế toán			I - Bảng cân đối kế toán		
100	A. Tài sản ngắn hạn	202.454.518.360	100	A. Tài sản ngắn hạn	80.899.907.201	(121.554.611.159)
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	15.062.778.503	110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	15.062.778.503	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
121	Đầu tư ngắn hạn	-	123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-
130	III. Các khoản phải thu	49.448.684.770	130	III. Các khoản phải thu	51.979.140.297	2.530.455.527
131	Phải thu ngắn hạn khách hàng	410.014.400	131	Phải thu ngắn hạn khách hàng	410.014.400	-
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	12.464.783.710	132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	12.464.783.710	-
133	Phải thu nội bộ	-	135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	16.420.755.700	16.420.755.700
135	Các khoản phải thu khác	36.573.886.660	135	Các khoản phải thu khác	22.683.586.487	(13.890.300.173)
140	IV. Hàng tồn kho	129.888.118.354	140	IV. Hàng tồn kho	8.333.507.195	(121.554.611.159)
141	Hàng tồn kho	129.888.118.354	141	Hàng tồn kho	8.333.507.195	(121.554.611.159)
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	-	149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	8.054.936.733	150	V. Tài sản ngắn hạn khác	5.524.481.206	(2.530.455.527)
152	Thuế GTGT được khấu trừ	4.851.475.047	152	Thuế GTGT được khấu trừ	4.851.475.047	-
154	Thuế và các khoản khác phải thu NN	673.006.159	152	Thuế và các khoản khác phải thu NN	673.006.159	-
158	Tài sản ngắn hạn khác	2.530.455.527	155	Tài sản ngắn hạn khác	-	(2.530.455.527)
200	B. Tài sản dài hạn	62.346.048.819	200	B. Tài sản dài hạn	183.900.659.978	121.554.611.159
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	-	210	I. Các khoản phải thu dài hạn	29.544.000.000	29.544.000.000
220	II. Tài sản cố định	24.964.492.952	220	II. Tài sản cố định	24.729.145.152	(235.347.800)
220	Tài sản cố định	24.729.145.152	221	Tài sản cố định	24.729.145.152	-
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	235.347.800				
240	III. Bất động sản đầu tư	4.398.825.674	230	III. Bất động sản đầu tư	4.398.825.674	-
			240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	121.789.958.959	121.789.958.959
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	652.500.000	250	V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	652.500.000	-
260	V. Tài sản dài hạn khác	32.330.230.193	260	VI. Tài sản dài hạn khác	2.786.230.193	(29.544.000.000)
	TỔNG TÀI SẢN	264.800.567.179		TỔNG TÀI SẢN	264.800.567.179	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TIÊN SƠN ĐỊA ỐC

Tòa nhà Việt Tiên Sơn, KDC phía đông đường Yết Kiêu, P.Cộng Hòa, TX. Chí Linh, Hải Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2014

Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số	Khoản mục	Số trước điều chỉnh	Mã số	Khoản mục	Số sau điều chỉnh	Chênh lệch
300	A. Nợ phải trả	242.034.319.907	300	C. Nợ phải trả	242.034.319.907	0
310	I. Nợ ngắn hạn	29.771.240.216	310	I. Nợ ngắn hạn	29.771.240.216	0
330	II. Nợ dài hạn	212.263.079.691	330	II. Nợ dài hạn	212.263.079.691	-
400	B. Nguồn vốn chủ sở hữu	9.058.697.802	400	D. Nguồn vốn chủ sở hữu	9.058.697.802	-
410	I. Vốn chủ sở hữu	9.058.697.802	410	I. Vốn chủ sở hữu	9.058.697.802	-
411	Vốn góp của chủ sở hữu	10.000.000.000	411	Vốn góp của chủ sở hữu	10.000.000.000	-
412	Thặng dư vốn cổ phần	-	412	Thặng dư vốn cổ phần	-	-
414	Cổ phiếu quỹ	-	415	Cổ phiếu quỹ	-	-
417	Quỹ đầu tư phát triển	-	418	Quỹ đầu tư phát triển	-	-
418	Quỹ dự phòng tài chính	-			-	-
420	Lợi nhuận chưa phân phối	(941.302.198)	421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(941.302.198)	-
421	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-	422	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-	-
430	II. Nguồn KP và các quỹ khác	-	430	II. Nguồn KP và các quỹ khác	-	-
	TỔNG NGUỒN VỐN	264.800.567.179		TỔNG NGUỒN VỐN	264.800.567.179	-

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Tiền mặt	2.025.752.460	1.192.640.605
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.258.141.634	6.770.137.898
+ Tiền gửi VND	3.248.712.122	6.765.899.966
+ Tiền gửi bằng ngoại tệ	9.429.512	4.237.932
- Tiền và các khoản tương đương tiền	16.134.133.422	7.100.000.000
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn tại BIDV (từ 1 - 3 tháng) Cộng	16.134.133.422	7.100.000.000
	21.418.027.516	15.062.778.503

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TIÊN SƠN ĐỊA ÓC

Tòa nhà Việt Tiên Sơn, KDC phía đông đường Yết Kiêu, P.Cộng Hòa, TX. Chí Linh, Hải Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

b. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	652.500.000	-	652.500.000	652.500.000	-	652.500.000
- Công ty CP Kỳ Tam Anh	652.500.000	-	652.500.000	652.500.000	-	652.500.000
Cộng	652.500.000	-	652.500.000	652.500.000	-	652.500.000

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

Tên Công ty góp vốn đầu tư	Địa chỉ	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ sở hữu cam kết	Tỷ lệ sở hữu thực tế tại 31/12/2015	Giá trị thực góp VND	Hoạt động sản xuất, kinh doanh chính
- Công ty CP Kỳ Tam Anh	Km 40+800, Quốc lộ 18, P. Cộng Hòa, TX. Chí Linh, TP. Hải Dương	9.000.000.000	17,10%	7,25%	652.500.000	Mua bán vật liệu xây dựng, đồ điện dân dụng Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng ăn uống
Tổng		9.000.000.000			652.500.000	

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

3. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	853.160.000		410.014.400	
1. Công ty TNHH Hoàn Hào	450.000.000		-	
2. Các đối tượng khác	403.160.000		410.014.400	
b. Dài hạn				
Cộng	853.160.000	-	410.014.400	-

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	11.750.062.654	-	12.464.783.710	-
- Công ty CP Tư Vấn Thiết Kế Kiến Trúc Nội Thất và cảnh quan KAM	966.910.446		1.001.910.446	
- Công ty CP Minh Xuân	-		1.500.000.000	
- Công ty CP thương mại và du lịch Trung Đông	2.200.000.000		1.200.000.000	
- M&T Import-Export Thanh Thủy	2.715.725.000		364.388.850	
- Công ty SOH KO BIEKI. CO	2.197.975.000		-	
- Công ty TNHH Hoàn Hào	2.000.000.000		-	
- Các đối tượng khác	1.669.452.208		8.398.484.414	
b. Dài hạn				
Cộng	11.750.062.654	-	12.464.783.710	-

c. Trả trước cho người bán là các bên liên quan

5. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Phải thu về cho vay ngắn hạn	31.223.372.704	16.420.755.700
- Phải thu về cho vay dài hạn	-	-
Cộng	31.223.372.704	16.420.755.700

Chi tiết phải thu về cho vay

	Kỳ hạn	Lãi suất	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	-	-	31.223.372.704	16.420.755.700
- Công ty CP Tư Vấn Thiết Kế Kiến Trúc Nội Thất và cảnh quan KAM	12 tháng	0%	170.000.000	170.000.000
- Công ty CP Việt Tiên Sơn	12 tháng	0%	6.065.000.000	6.065.000.000
- Ông Trương Thanh Sơn	12 tháng	0%	20.838.372.704	8.685.755.700
- Ông Nguyễn Thanh Hải	12 tháng	0%	4.150.000.000	500.000.000
- Ông Dương Văn Điệp	12 tháng	0%	-	1.000.000.000
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	-	-	31.223.372.704	16.420.755.700

c. Phải thu về cho vay các bên liên quan

	Mối quan hệ	Đơn vị tính: VND	
		Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Công ty CP Việt Tiên Sơn	Cùng t.viên HĐQT Cùng người đại diện theo PL	6.065.000.000	6.065.000.000
- Ông Trương Thanh Sơn	Thành viên HĐQT Giám đốc	20.838.372.704	8.685.755.700
- Ông Nguyễn Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT Người đại diện PL	4.150.000.000	500.000.000
- Ông Dương Văn Điệp	Thành viên HĐQT	-	1.000.000.000
Cộng		31.053.372.704	15.250.755.700

6. PHẢI THU KHÁC

	Số Cuối năm		Số Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	24.179.544.483	-	22.683.586.487	-
- Dư nợ BHXH	17.767.200	-	-	-
- Tạm ứng	4.728.800.283	-	2.530.455.527	-
- Phải thu khác	19.432.977.000	-	20.153.130.960	-
b. Dài hạn	29.994.000.000	-	29.544.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	750.000.000	-	300.000.000	-
- Phải thu khác	29.244.000.000	-	29.244.000.000	-
Cộng	54.173.544.483	-	52.227.586.487	-

(*) Chi tiết các khoản phải thu khác dài hạn

Đây là các khoản tiền góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty với các công ty khác, chi tiết như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Số tiền góp vốn	Mục đích hợp tác kinh doanh
1. Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Thương mại và Xây dựng 568	Số 2A10 phố Chương Dương, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương	8.457.000.000	Hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh Trung tâm đào tạo lái xe tại xã Nam Đồng, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương
2. Công ty CP Đầu tư BĐS Thành Đông	Số 72 Hoàng Sâm, P. Nghĩa Đô, Q.Cầu Giấy, TP. Hà Nội	20.500.000.000	Hợp tác đầu tư nhận chuyển nhượng một phần dự án KCN Cộng Hòa - Chí Linh, chuyển đổi mục đích thành Khu ĐTM Chí Linh - Hải Dương
3. Công ty CP Vitraco	Số 288 phố Thái Học 3, P. Sao Đỏ, TX. Chí Linh, Tỉnh Hải Dương	287.000.000	Đầu tư xây dựng và kinh doanh dự án công viên nghỉ trang trên địa bàn TX. Chí Linh, tỉnh Hải Dương
Tổng cộng		29.244.000.000	

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	709.509.474		1.147.299.947	
- Hàng hóa	5.369.279.896		7.186.207.248	
Cộng	6.078.789.370	-	8.333.507.195	-

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa VKT	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu năm	23.066.295.207	1.263.512.191	1.574.213.364	630.215.112	26.534.235.874
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	3.818.181.818	131.019.091	-	-	3.949.200.909
- Giảm khác	3.818.181.818	131.019.091	-	-	3.949.200.909
Số dư cuối năm	19.248.113.389	1.132.493.100	1.574.213.364	630.215.112	22.585.034.965
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.871.571.633	528.487.724	756.077.182	325.625.545	3.481.762.084
Số tăng trong năm	653.852.486	179.419.611	157.421.336	76.284.239	1.066.977.672
- Khấu hao trong năm	653.852.486	179.419.611	157.421.336	76.284.239	1.066.977.672
Số giảm trong năm	63.636.364	16.377.386	-	-	80.013.750
- Giảm khác	63.636.364	16.377.386	-	-	80.013.750
Số dư cuối năm	2.461.787.755	691.529.949	913.498.518	401.909.784	4.468.726.006
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	21.194.723.574	735.024.467	818.136.182	304.589.567	23.052.473.790
Tại ngày cuối năm	16.786.325.634	440.963.151	660.714.846	228.305.328	18.116.308.959

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Website	Cộng
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu năm	1.722.214.000	75.500.000	1.797.714.000
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	1.722.214.000	75.500.000	1.797.714.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	71.792.638	49.250.000	121.042.638
Số tăng trong năm	-	15.100.000	15.100.000
- Khấu hao trong năm	-	15.100.000	15.100.000
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	71.792.638	64.350.000	136.142.638
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	1.650.421.362	26.250.000	1.676.671.362
Tại ngày cuối năm	1.650.421.362	11.150.000	1.661.571.362

(*) Quyền sử dụng đất đang ghi nhận vào TSCĐ vô hình của Công ty Việt Tiên Sơn địa ốc là thửa đất số 8, tờ bản đồ số 37, TT Sao Đỏ - Chí Linh - Hải Dương, thừa kế từ việc chia tách Công ty CP Việt Tiên Sơn theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Việt Tiên Sơn số 408/VTS/QĐ-ĐHĐ ngày 31/03/2010. Công ty CP Việt Tiên Sơn đã có Giấy chứng nhận QSD đất ngày 03/02/2010. Nguyên giá đang ghi nhận tại Công ty CP Việt Tiên Sơn Địa ốc gồm tiền thuê sử dụng đất nộp 1 lần (Công ty CP Việt Tiên Sơn nộp) và phí trước bạ nộp khi tiếp nhận mảnh đất (Công ty CP Việt Tiên Sơn Địa ốc nộp). Số dư khấu hao đầu năm của QSD đất là giá trị khấu hao lũy kế của tài sản khi chia tách, do Công ty CP Việt Tiên Sơn trích.

Tuy nhiên, tại ngày 31/12/2015, Công ty CP Việt Tiên Sơn Địa ốc đã gửi hồ sơ lên Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương, nhưng chưa nhận được kết quả đổi tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy, Công ty CP Việt Tiên Sơn địa ốc chưa thực hiện trích khấu hao tài sản này.

- Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2015 của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho khoản vay: 0 VND
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2015: 0 VND

11. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá	4.883.231.474	-	-	4.883.231.474
Cơ sở hạ tầng	4.883.231.474	-	-	4.883.231.474
Khấu hao lũy kế	484.405.800	68.843.697	-	553.249.497
Cơ sở hạ tầng	484.405.800	68.843.697	-	553.249.497
Giá trị còn lại	4.398.825.674	-	-	4.329.981.977
Cơ sở hạ tầng	4.398.825.674	-	-	4.329.981.977

12. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	116.338.964.023	121.554.611.159
- Chi phí sản xuất kinh doanh dự án Âu Cơ	-	7.308.227.394
- Chi phí sản xuất kinh doanh dự án Yết Kiêu	100.238.103.886	87.953.727.348
- Chi phí sản xuất kinh doanh dự án Côn Sơn	1.324.242.922	916.006.255
- Chi phí sản xuất kinh doanh dự án Tuệ Tĩnh	575.800.732	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dự án Thành Đông	10.245.000	10.245.000
- Chi phí sản xuất kinh doanh dự án Vitraco	172.200	172.200
- Chi phí sản xuất kinh doanh dự án Đồi Ngô	97.066.000	96.008.000
- Chi phí sản xuất kinh doanh dự án Ga sắt	700.000	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dự án Việt Hòa	14.092.633.283	25.270.224.962
b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	235.347.800
- Sửa chữa nâng cấp nhà hàng, xây thêm tường rào	-	235.347.800
Cộng	116.338.964.023	121.789.958.959

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	-	-
b. Dài hạn	1.328.591.952	2.570.215.042
- Chi phí quảng cáo	-	216.015.151
- Chi phí sửa chữa ô tô	121.200.000	-
- Chi phí trả trước dài hạn khác chờ phân bổ	934.550.133	1.487.348.823
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	43.803.107	588.570.701
- Các khoản tài trợ, chi thường các năm	350.238.712	494.295.518
Cộng	1.449.791.952	2.786.230.193

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a. Ngắn hạn	12.052.823.811	12.052.823.811	2.861.226.574	2.861.226.574
- Công ty TNHH MTV TM & DV An Thành Phát	6.600.000.000	6.600.000.000	-	-
- Công ty LOI Equipments	-	-	508.350.000	508.350.000
- Công ty TNHH Sản xuất XD&TM Hòa Bình	2.497.194.000	2.497.194.000	-	-
- Các đối tượng khác	2.955.629.811	2.955.629.811	2.352.876.574	2.352.876.574
Cộng	12.052.823.811	12.052.823.811	2.861.226.574	2.861.226.574

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a. Ngắn hạn	1.300.000.000	1.300.000.000	359.500.000	359.500.000
- Công ty đầu tư và XD Cộng	1.300.000.000	1.300.000.000	359.500.000	359.500.000
Cộng	1.300.000.000	1.300.000.000	359.500.000	359.500.000

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

a. Phải nộp Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Số dư đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Thuế nộp bổ sung / (Được giảm trừ)	Số dư cuối năm
	(a)	(b)	(c)	(d)	(e)=(a)+(b)-(c)+(d)
Thuế GTGT phải nộp	-	3.811.603.119	3.811.603.119		-
Thuế tiêu thụ đặc biệt					-
Thuế xuất, nhập khẩu		14.404.272	14.404.272		-
Thuế TNDN CT mẹ	(673.006.159)	141.625.195	158.212.022		(689.592.986)
Thuế TNDN CT con		12.821.352			12.821.352
Thuế thu nhập cá nhân	-	12.500	12.500		-
Thuế tài nguyên					-
Thuế nhà đất, tiền	-				-
Thuế bảo vệ môi trường					-
Phí, và các khoản nộp k			61.581.000		(61.581.000)
Thuế khác		6.000.000	6.000.000		-
Cộng	(673.006.159)	3.986.466.438	4.051.812.913	-	(738.352.634)

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Dự án: Đầu tư xây dựng cụm dân cư đô thị cạnh khu sinh thái Âu Cơ, đường Nguyễn Hữu Cầu, TP Hải Dương	413.319.613	-
Cộng	413.319.613	-

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
b. Dài hạn	53.894.007.653	54.587.230.679
- Doanh thu nhận trước - Dự án Yết Kiêu	48.739.046.601	49.310.946.601
- Doanh thu nhận trước tiền thuê - T.tâm mua sắm Sao Đỏ	5.154.961.052	5.276.284.078
Cộng	53.894.007.653	54.587.230.679

19. PHẢI TRẢ KHÁC	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	311.980	2.316.642
- Tài sản thừa chờ giải quyết (Chênh lệch công nợ BHXH)	-	2.316.642
- Bảo hiểm xã hội	10.480	-
- Phải trả, phải nộp khác	301.500	-
b. Dài hạn	6.581.451.600	8.127.295.100
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác (Lãi vay phải trả)	6.581.451.600	8.127.295.100
+ Ông Bùi Thanh Tùng	2.000.000.000	2.000.000.000
+ Công ty TNHH Hoàn Hảo	1.500.000.000	2.000.000.000
+ Ông Đinh Kim Khôi	-	1.046.400.000
+ Lãi vay phải trả Công ty CP Việt Tiên Sơn - phục vụ dự án Yết Kiêu	3.081.451.600	3.081.451.600
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán Cộng	13.163.215.180	16.257.463.342

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

01
 G
 M
 OÁ
 12

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TIÊN SƠN ĐỊA ỐC

Tòa nhà Việt Tiên Sơn, KDC phía đông đường Yết Kiêu, P.Cộng Hòa, TX. Chí Linh, Hải Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Giá trị	Giá trị	Khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	42.370.009.465	42.370.009.465	119.602.272.300	103.780.459.835	26.548.197.000	26.548.197.000
- Vay Ngân hàng	-	-	-	9.692.013.000	9.692.013.000	9.692.013.000
- Ngân hàng BIDV	-	-	-	9.692.013.000	9.692.013.000	9.692.013.000
- Vay cá nhân	42.370.009.465	42.370.009.465	119.602.272.300	94.088.446.835	16.856.184.000	16.856.184.000
- Ông Nguyễn Thanh Hải						
+ Hợp đồng với Công ty CP Hồng Hưng	16.000.000.000	16.000.000.000	6.000.000.000		10.000.000.000	10.000.000.000
+ Hợp đồng với Công ty CP Việt Tâm Doanh	4.150.000.000	4.150.000.000	3.650.000.000		500.000.000	500.000.000
- Ông Trương Thanh Sơn	150.000.000	150.000.000			150.000.000	150.000.000
- Ông Đào Văn Hà	322.536.000	322.536.000			322.536.000	322.536.000
- Ông Phạm Duy Hải	1.300.000.000	1.300.000.000	1.300.000.000			
- Cá nhân khác	20.447.473.465	20.447.473.465	108.652.272.300	94.088.446.835	5.883.648.000	5.883.648.000

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

	Số cuối năm		Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Giá trị	Giá trị	Khả năng trả nợ
b. Vay dài hạn	132.798.692.257	132.798.692.257	42.898.367.754	59.648.229.409	149.548.553.912	149.548.553.912
- Vay cá nhân	130.298.692.257	130.298.692.257	42.898.367.754	59.648.229.409	147.048.553.912	147.048.553.912
+ Ông Nguyễn Thanh Hải						-
- Hợp đồng ngày 1/1/2014	11.715.832.712	11.715.832.712	400.000.000	700.000.000	12.015.832.712	12.015.832.712
- Hợp đồng ngày 01/9/2014 (*)	1.000.000.000	1.000.000.000		8.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000
- Hợp đồng ngày 25/9/2014 (**)	1.680.000.000	1.680.000.000		3.920.000.000	5.600.000.000	5.600.000.000
+ Ông Trương Thanh Sơn	21.309.658.545	21.309.658.545	42.498.367.754	29.874.464.909	8.685.755.700	8.685.755.700
+ Cá nhân khác (***)	94.593.201.000	94.593.201.000		17.153.764.500	111.746.965.500	111.746.965.500
- Vay Công ty khác	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-	2.500.000.000	2.500.000.000
+ Công ty CP Việt Tiên Sơn	2.500.000.000	2.500.000.000			2.500.000.000	2.500.000.000
- Nợ dài hạn	-	-	-	-	-	-
Tổng	175.168.701.722	175.168.701.722	162.500.640.054	163.428.689.244	176.096.750.912	176.096.750.912

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

Thuyết minh các hợp đồng vay ngắn hạn

(*)-Hợp đồng vay tiền ngày 01/01/2014 giữa ông Nguyễn Thanh Hải và Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn địa ốc.

Chi tiết vay gồm:

- + Số tiền vay: 9.600.000.000 đồng (Chín tỷ sáu trăm triệu đồng chẵn ./.)
- + Mục đích vay: Phục vụ cho dự án đầu tư xây dựng cụm dân cư đô thị cạnh khu sinh thái Âu Cơ.
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng
- + Lãi suất cho vay: Lãi suất của ngân hàng BIDV - chi nhánh Bắc Hải Dương cùng thời điểm tính từ ngày nhận tiền vay
- + Số dư tại thời điểm 31/12/2015: 1.000.000.000 đồng.

(**)-Hợp đồng vay tiền ngày 25/09/2014 giữa ông Nguyễn Thanh Hải và Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn địa ốc. Chi tiết vay gồm:

- + Số tiền vay: 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng chẵn ./.)
- + Mục đích vay: Phục vụ cho dự án đầu tư xây dựng cụm dân cư đô thị cạnh khu sinh thái Âu Cơ.
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng
- + Lãi suất cho vay: Lãi suất của ngân hàng BIDV - chi nhánh Bắc Hải Dương cùng thời điểm tính từ ngày nhận tiền vay
- + Số dư tại thời điểm 31/12/2015: 1.680.000.000 đồng.

(***) Các hợp đồng vay còn lại (bao gồm vay cá nhân và vay công ty khác) được Công ty CP Việt Tiên Sơn địa ốc Huy động với lãi suất 0%, thời hạn vay 12 tháng và không có tài sản đảm bảo thế chấp.

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Phụ lục 1)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>
	VND	%	VND	%
Vốn góp của các cổ đông	10.000.000.000	50,00	10.000.000.000	100,00
Cộng	20.000.000.000	100,00	10.000.000.000	100,00

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ <i>Vốn góp đầu năm</i>	10.000.000.000	10.000.000.000
+ <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	
+ <i>Vốn góp giảm trong năm</i>		
+ <i>Vốn góp cuối năm</i>	10.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d. Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.000.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.000.000	1.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.000.000	1.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1.000.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. DOANH THU	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng doanh thu	87.365.153.539	14.659.320.102
Doanh thu từ KD bất động sản	72.956.964.000	10.763.200.000
- <i>Doanh thu từ các dự án bất động sản</i>	72.956.964.000	10.763.200.000
Doanh thu dịch vụ	2.408.189.539	2.848.256.014
- <i>Doanh thu cho thuê mặt bằng trung tâm mua sắm</i>	171.504.844	171.504.844
- <i>Doanh thu du lịch lễ hành</i>	2.236.684.695	2.676.751.170
Doanh thu bán hàng hóa	12.000.000.000	1.047.864.088
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	87.365.153.539	14.659.320.102
2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn KD Bất động sản	70.904.878.375	10.210.529.042
Giá vốn dịch vụ	2.158.825.532	2.440.193.836
- <i>Giá vốn cho thuê mặt bằng trung tâm mua sắm</i>	68.843.697	68.843.697*
- <i>Giá vốn du lịch lễ hành</i>	2.089.981.835	2.371.350.139
Giá vốn bán hàng hóa	11.016.890.181	954.487.700
Cộng	84.080.594.088	13.605.210.578
3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	774.398.545	204.821.080
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	35.892.448	
Lãi do nhượng bán công ty con (Công ty TNHH Việt Tiên Sơn)	724.735.134	
Cộng	1.535.026.127	204.821.080

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	306.493.658	-
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	255.953	-
Cộng	306.749.611	-

5. CHI PHÍ SXKD THEO YẾU TỐ CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí theo yếu tố		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.153.968.590	1.819.623.000
- Chi phí nhân công	4.697.825.476	4.195.558.400
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.150.921.369	1.118.720.524
- Thuế, phí, lệ phí	69.267.457	4.663.887.495
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.817.227.652	9.195.900.689
- Chi phí khác bằng tiền	2.591.034.628	4.351.191.630
Cộng	81.480.245.172	25.344.881.738

Trong đó bao gồm

a. Chi phí sản xuất

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.875.794.581	3.518.715.301
- Chi phí nhân công	3.769.421.354	4.634.483.756
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.035.017.907	926.551.527
- Thuế, phí, lệ phí	33.358.618	15.981.598.132
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.473.881.980	9.275.034.043
- Chi phí khác bằng tiền	2.398.622.399	4.040.202.660
Cộng	78.586.096.839	38.376.585.419

b. Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí dịch vụ mua ngoài		
- Chi phí khác bằng tiền	8.594.456	294.611.206
Cộng	8.594.456	294.611.206

c. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.278.174.009	5.050.000
- Chi phí nhân công	928.404.122	647.161.916
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	115.903.462	192.168.997
- Thuế, phí, lệ phí	35.908.839	38.567.083
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	343.345.672	112.883.153
- Chi phí khác bằng tiền	192.412.229	480.668.786
Cộng	2.894.148.333	1.476.499.935

6. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Xử lý công nợ không phải trả	33.258.061	-
- Các khoản khác	1.178.000	-
Cộng	34.436.061	-

7. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chênh lệch BHXH không thu hồi được	917.890	-
- Xử lý công nợ lẻ không thu hồi được	2.763.786	-
Cộng	3.681.676	-

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	154.446.547	2.827.810
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	154.446.547	2.827.810
Trong đó:		
- Thuế TNDN phải nộp của công ty mẹ	141.625.195	2.827.810
- Thuế TNDN phải nộp của các công ty con	12.821.352	-

9. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.372.217.791	(424.613.663)
Các khoản điều chỉnh :	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.372.217.791	(424.613.663)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.000.000	1.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.372,22	(424,61)
Mệnh giá cổ phiếu (VND/CP)	10.000 VND / CP	10.000 VND / CP

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN PHI TIỀN TỆ

2. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.418.027.516		15.062.778.503	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	55.026.704.483	-	52.637.600.887	-
Các khoản cho vay	31.223.372.704		16.420.755.700	
Đầu tư ngắn hạn	-		-	
Đầu tư dài hạn	652.500.000	-	652.500.000	-
Cộng	108.320.604.703	-	84.773.635.090	-

Nợ phải trả tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Vay và nợ	175.168.701.722		176.096.750.912	

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính



Phải trả người bán, phải trả khác	18.634.587.391	10.990.838.316
Chi phí phải trả	413.319.613	-
Cộng	194.216.608.726	187.087.589.228

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.418.027.516			21.418.027.516
Phải thu khách hàng, phải thu khác	25.032.704.483	29.994.000.000		55.026.704.483
Các khoản cho vay	31.223.372.704	-		31.223.372.704
Đầu tư ngắn hạn	-			-
Đầu tư dài hạn		652.500.000		652.500.000
Cộng	77.674.104.703	30.646.500.000	-	108.320.604.703
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.062.778.503			15.062.778.503

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

đương tiền				
Phải thu khách hàng,	23.093.600.887	29.544.000.000		52.637.600.887
phải thu khác				
Các khoản cho vay	16.420.755.700			16.420.755.700
Đầu tư ngắn hạn	-			-
Đầu tư dài hạn		652.500.000		652.500.000
Cộng	54.577.135.090	30.196.500.000	-	84.773.635.090

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm				
Vay và nợ	42.370.009.465	132.798.692.257		175.168.701.722
Phải trả người bán, phải trả	12.053.135.791	-	-	12.053.135.791
Chi phí phải trả	413.319.613	-	-	413.319.613
Cộng	54.836.464.869	132.798.692.257	-	187.635.157.126
Số đầu năm				
Vay và nợ	49.055.896.500	127.040.854.412		176.096.750.912
Phải trả người bán, phải trả khác	2.863.543.216	-	-	2.863.543.216
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Cộng	51.919.439.716	127.040.854.412	-	178.960.294.128

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

4. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Hoạt động kinh doanh Bất động	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Hoạt động bán hàng	Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	72.956.964.000	2.408.189.539	12.000.000.000	87.365.153.539
Tổng doanh thu thuần	72.956.964.000	2.408.189.539	12.000.000.000	87.365.153.539
Chi phí bộ phận	70.904.878.375	2.158.825.532	11.016.890.181	84.080.594.088
Kết quả kinh doanh bộ phận	2.052.085.625	249.364.007	983.109.819	3.284.559.451
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				2.902.742.879
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				381.816.572
Doanh thu hoạt động tài chính				1.535.026.127
Chi phí tài chính				306.749.611

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

Thu nhập khác	34.436.061
Chí phí khác	3.681.676
Thuế TNDN hiện hành	154.446.547
Thuế TNDN hoãn lại	-
Lợi nhuận sau thuế	1.486.400.926
Tổng chi phí đã phát sinh để đầu tư, mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.082.077.672

5. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần liên quan Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Phải thu về cho vay	Mối quan hệ	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND	VND
	<i>Cùng tập đoàn Việt Tiên Sơn</i>		
- Công ty Cổ phần Việt Tiên Sơn	<i>Cùng T.viên HĐQT Cùng người đại diện theo Pháp luật</i>	6.065.000.000	6.065.000.000
- Ông Trương Thanh Sơn	<i>Giám đốc Công ty Cổ đông - TV HĐQT</i>	20.838.372.704	8.685.755.700
- Công ty Cổ phần Việt Tâm Doanh	<i>Công ty con</i>	4.150.000.000	500.000.000
Tạm ứng			Số cuối năm VND
- Ông Dương Văn Điệp	<i>UV HĐQT kiêm PGĐ</i>		1.950.000.000
Vay dài hạn			Năm 2015
- Ông Trương Thanh Sơn	<i>Giám đốc Công ty Cổ đông - TV HĐQT</i>		42.498.367.754
- Ông Công ty cổ phần Hồng Hưng	<i>Công ty con</i>		26.300.000.000
Trả nợ vay dài hạn			
- Ông Trương Thanh Sơn			29.874.464.909
			Năm 2015
Thu nhập ban giám đốc			243.200.000

6. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	63,05%	69,45%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	36,95%	30,55%
1.2 Bố trí cơ cấu vốn			

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TIÊN SƠN ĐỊA ỐC

Tòa nhà Việt Tiên Sơn, KDC phía đông đường Yết Kiêu, P.Cộng Hòa,
TX. Chí Linh, Hải Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	91,14%	91,40%
- Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	8,86%	8,60%
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Tổng Tài sản/Tổng nợ phải trả	Lần	1,10	1,09
2.2 Tài sản ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	Lần	1,80	1,55
2.3 Tổng tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	Lần	0,38	0,29
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Lợi nhuận / doanh thu			
- Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần+TN hoạt động tài chính+Thu nhập khác	%	1,85%	-3,45%
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần+TN hoạt động tài chính+Thu nhập khác	%	1,67%	-3,46%
3.2 Lợi nhuận / Tổng Tài sản			
- Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	0,60%	-0,19%
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,54%	-0,19%
3.3 Lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn CSH	%	6,13%	-2,26%

7. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 do đơn vị lập, chưa được kiểm toán. Số liệu được phân loại lại cho phù hợp với số liệu kỳ này.

Hải Dương, ngày 05 tháng 06 năm 2017

Người lập biểu



Nguyễn Thị Tư

Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Anh

Tổng Giám đốc



Trương Thanh Sơn

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TIÊN SƠN ĐỊA ỐC

Tòa nhà Việt Tiên Sơn, KDC phía đông đường Yết Kiêu, P.Cộng Hòa, TX. Chí Linh, Hải Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**PHỤ LỤC 01 - THUYẾT MINH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	10.000.000.000			13.797.944.154	(405.133.685)	23.392.810.469
- Tăng vốn năm trước						-
- Lãi trong năm trước				(90.394.684)	(424.613.663)	(515.008.347)
- Tăng khác						-
- Giảm khác					(111.554.850)	(111.554.850)
Số dư đầu năm nay	10.000.000.000	-	-	13.707.549.470	(941.302.198)	22.766.247.272
- Tăng vốn trong năm						-
- Lãi trong năm				114.183.135	1.372.217.791	1.486.400.926
- Tăng khác						-
- Lỗ trong năm						-
- Phân phối lợi nhuận						-
- Cổ tức						-
- Giảm khác						-
Số cuối năm	10.000.000.000	-	-	13.821.732.605	430.915.593	24.252.648.198

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

